

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13-5-2022

V/v: *Tranh chấp xin ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Các Hội thẩm nhân dân: 1

- Thư ký phiên tòa: - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa:

- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13/h/2021 về việc Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày h/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

- Ngụy đơn: Chị Trần Thị Kim M, sinh năm 1976; HKTT và trú tại: Số ., A C (số mới: số nhà ., ngách ., đường A C), phường N T, quận Tây Hồ, TP Hà Nội, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1972; HKTT: Xã M M, huyện T Y, tỉnh Y B; Hiện trú tại: Số nhà ., ngách ., đường A C), phường N T, quận Tây Hồ, TP Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ngụy đơn chị Trần Thị Kim M trình bày:

Tôi và anh Lê Văn T có tìm hiểu nhau và đã tổ chức lễ cưới khoảng năm 1995, đến ngày 14/10/1995 tôi sinh cháu Lê Kim T, sau đó đến ngày 13/7/2001 tôi và anh T mới đi đăng kết hôn tại UBND xã M M, huyện T Y, tỉnh Y B.

Sau khi kết hôn chúng tôi về sống cùng nhau tại nhà của mẹ đẻ tôi ở số nhà ., ngách ., đường A C, phường N T, quận Tây Hồ, Hà Nội đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng từ khi kết hôn đến nay thực tế không hạnh phúc, do anh T không có việc làm, nghiện rượu, thường xuy uống say và hay đánh chửi tôi. Hiện nay chúng tôi sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T. Việc tôi làm đơn xin ly hôn tôi có trao đổi với anh T, anh T có biết và cũng đồng ý ly hôn, nhưng không đến Tòa, có tình gây khó khăn cho tôi do vậy đề nghị Tòa án cho tôi được đơn phương ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi và anh T sinh được ba người con là Lê Kim T, sinh ngày 14/10/1995, Lê Thu H, sinh ngày 10/10/2002 và Lê Hồng M, sinh ngày 18/01/2011. Cháu T, cháu H đều đã thành niên, có cuộc sống ổn định, ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lê Hồng M vẫn đang đi học, sống cùng tôi từ khi sinh cháu đến nay. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tôi làm nông nghiệp và đi chợ bán hàng thêm, bình quân thu nhập khoảng 5 đến 10 triệu đồng/tháng. Về chỗ ở hiện tôi và các con tôi đang ở cùng nhau tại nhà của mẹ đẻ tôi là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956, tại: Số ., A C (số mới: số nhà ., ngách ., đường A C), phường N T, quận Tây Hồ, TP Hà Nội là đất rau xanh nhưng đã làm 50m² nhà 2 tầng nên cuộc sống của tôi ổn định, đảm bảo được việc nuôi dưỡng con.

Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Tôi và anh T không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập h lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa nên không có lời khai.

Tại phiên tòa ngay đơn vẫn giữ nguy yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người m hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguy đơn thực hiện đúng. TAND quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thu thập, công khai chứng cứ, hòa giải thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20.; Nghị quyết số 3./2016/UBTVQH14 ngày 30/h/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Về con chung: Chị M, anh T có 03 con chung là Lê Kim T, sinh ngày 14/10/1995, Lê Thu H, sinh ngày 10/10/2002 và Lê Hồng M, sinh ngày 18/01/2011. Cháu T, cháu H đã thành niên có cuộc sống ổn định nên không xét. Giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà đất và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị M phải chịu án phí, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguy đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Anh T hiện trú tại số nhà ., ngách ., đường A C, phường N T, quận Tây Hồ, TP Hà Nội, chị M có đơn xin được ly hôn anh T, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt h lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất, anh T vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa, phiên tòa hôm nay được mở đến

lần thứ hai, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX m hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Kim M và anh Lê Văn T kết hôn trên c sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/7/2001 tại UBND xã M M, huyện T Y, tỉnh Y B, xác định đây là hôn nhân h pháp.

Ma thuần vợ chồng giữa anh, chị, theo chị M do vợ chồng bất đồng về quan điểm, anh T nghiện rượu, khi say thường hay đánh chửi chị, hiện anh chị đã sống ly thân. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, xin được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt h lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh T đến để tự khai, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu anh T giao nộp ý kiến bằng văn bản tuy nhiên anh T không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị M, không tham gia phiên hòa giải để anh chị có c hội đoàn tụ. Như vậy anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị M có đơn xin ly hôn nhưng anh T không đến thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị M. Điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác m tại nơi cư trú của anh, chị và ý kiến của đại diện gia đình anh chị thể hiện: Anh chị có ma thuần, thường xuy xảy ra cãi chửi nhau từ rất la, hiện anh chị đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ ma thuần vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin ly hôn anh T là có căn cứ, nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T.

[3].Về con chung: Căn cứ lời khai của chị M và giấy khai sinh do chị M giao nộp và các tài liệu có trong hồ sơ: Xác định anh, chị có ba con là Lê Kim T, sinh ngày 14/10/1995, Lê Thu H, sinh ngày 10/10/2002 và Lê Hồng M, sinh ngày 18/01/2011. Cháu T, cháu H đã đến tuổi trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên Tòa án không xét.

Theo chị M trình bày: Cháu M vẫn đang đi học và đang ở cùng chị, do chị nuôi dưỡng. Hiện chị làm nông nghiệp và đi chợ bán hàng thêm, thu nhập khoảng 05 đến 10 triệu đồng/tháng. Về chỗ ở hiện chị và các con đang ở tại nhà của mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị H tại: Số ., A C (số mới: số nhà ., ngách ., đường A C), phường N T, quận Tây Hồ, TP Hà Nội nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ. Hiện chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và thực tế chị M vẫn đảm bảo điều kiện chăm sóc cháu M tốt, cháu M có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M giao cháu M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Động sản, bất động sản và công nợ chung: Chị M xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt không có lời khai, do vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20.;

Nghị quyết số 3./2016/UBTVQH14 ngày 30/h/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim M, chị Trần Thị Kim M được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Xác nhận chị M, anh T có ba con chung là Lê Kim T, sinh ngày 14/10/1995, Lê Thu H, sinh ngày 10/10/2002 và Lê Hồng M, sinh ngày 18/01/2011.

Cháu T, cháu H đã thành niên, có cuộc sống ổn định chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Giao chị Trần Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồng M đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T đến khi chị M có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Về động sản, bất động sản và công nợ: Chị M xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Kim M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003.56 ngày 08/h/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn . ngày kể từ ngày tuy án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn . ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

